

NGHỊ QUYẾT
Đặt tên đường trên địa bàn
thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 46/TTr-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 21/BC-HĐND-VHXH ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Ban văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đặt tên đường trên địa bàn thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước, gồm 62 tuyến đường (có danh mục kèm theo).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- LĐVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Trần Tuệ Hiền

Trần Tuệ Hiền



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH MỤC TÊN ĐƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 22 /NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

1. Khu Trung tâm Hành chính thị xã: 40 tuyến

STT	Tên đường	Lộ giới (m)	Chiều dài (m)	Cấp đường	Ghi chú
01	Đặng Văn Ngữ	20	132	III	
02	Lê Văn Sỹ	20	156	III	
03	Phạm Hùng	20	840	III	
04	Đoàn Đức Thái	12	290	IV	
05	Điền Ong	20	210	III	
06	Phạm Văn Đồng	20	690	III	
07	Nguyễn Văn Linh	20	320	III	
08	Nguyễn Công Hoan	12	157	IV	
09	Nguyễn Tri Phương	20	207	III	
10	Trường Chinh	32	378	I	
11	Lê Duẩn	20	320	III	
12	Lê Anh Xuân	12	790	IV	
13	Võ Nguyên Giáp	20	910	III	
14	Bế Văn Đàn	12	220	IV	
15	Phan Đình Giót	20	215	III	
16	Võ Văn Kiệt	24 10	2560 2570	II IV	
17	Lý Thường Kiệt	24	768	II	
18	Lê Thị Hồng Gấm	12	290	IV	
19	Nguyễn Hữu Thọ	20	790	III	
20	Phùng Khắc Khoan	12	550	IV	
21	Võ Thị Sáu	12	198	IV	
22	Mai Chí Thọ	12	267	IV	
23	Tô Hiệu	13,5	132	IV	



24	Nguyễn Duy Trinh	13,5	128	IV	
25	Trần Văn Trà	20	805	III	
26	N' Trang Long	12	335	IV	
27	Trần Xuân Soạn	13,5	120	IV	
28	Bom Bo	13,5	118	IV	
29	Huỳnh Thúc Kháng	24	380	II	
30	Phan Chu Trinh	24	240	II	
31	Nguyễn Tất Thành	27	320	II	
		32	8800	I	
		38	540	I	
		44	950	I	
32	Trần Đại Nghĩa	13,5	625	IV	
33	Tôn Thất Tùng	13,5	165	IV	
34	Nguyễn Thị Minh Khai	20	1150	III	
35	Tổ Hữu	12	315	IV	
36	Tô Ngọc Vân	12	175	IV	
37	Bùi Văn Dù	20	310	III	
38	Nguyễn Bình Khiêm	12	220	IV	
39	Hoài Thanh	12	250	IV	
40	Độc Lập	23	2285	II	

2. Phường Thác Mơ: 02 tuyến

STT	Tên đường	Lộ giới (m)	Chiều dài (m)	Cấp đường	Ghi chú
01	Lê Lợi	30	2300	I	
02	Đình Công Trứ	24	480	II	

3. Phường Sơn Giang: 08 tuyến

STT	Tên đường	Lộ giới (m)	Chiều dài (m)	Cấp đường	Ghi chú
01	Bà Rá	22	10850	II	
02	Lê Hồng Phong	12	2200	IV	
		22	1150	II	
03	Hà Huy Tập	22	1400	II	
04	Tôn Đức Thắng	22	4080	II	

05	Nguyễn Trãi	22	2150	II	
06	Nguyễn Thị Định	22	740	II	
07	Lê Trọng Tấn	24	1350	II	
08	Hoàng Văn Thái	12	1250	IV	

4. Phường Long Phước: 03 tuyến

STT	Tên đường	Lộ giới (m)	Chiều dài (m)	Cấp đường	Ghi chú
01	3 tháng 2	32	2835	I	
02	Nguyễn Thái Học	22	2540	II	
03	Nguyễn Khuyến	10	420	IV	

5. Phường Phước Bình: 05 tuyến

STT	Tên đường	Lộ giới (m)	Chiều dài (m)	Cấp đường	Ghi chú
01	Thông Nhất	27	2600	II	
		32	5368	I	
02	Thích Quảng Đức	12	200	IV	
03	Hoàng Văn Thụ	22	2300	II	
04	Thành Thái	12	890	IV	
05	Lam Sơn	12	1100	IV	

6. Xã Long Giang: 01 tuyến

STT	Tên đường	Lộ giới (m)	Chiều dài (m)	Cấp đường	Ghi chú
01	Lý Tự Trọng	24	8200	II	
		32	825	I	

7. Xã Phước Tín: 03 tuyến

STT	Tên đường	Lộ giới (m)	Chiều dài (m)	Cấp đường	Ghi chú
01	Điện Biên Phủ	24	6400	II	
02	Yên Thế	24	4450	II	
03	Bạch Đằng	24	4800	II	